

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-ST

Ngày: 30 - 9 - 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Viết Lực

2/ Ông Nguyễn Bá Long

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2021/TLST - DS ngày 06 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở V

Địa chỉ: Thôn 7, xã V, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Kim K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Bị đơn: Anh Lê Trọng T - Sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn 8, xã V, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt anh T, ông K xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2021 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Lê Kim Kh trình bày:

Theo giấy đề nghị vay vốn của anh Lê Trọng T, mục đích để: Kinh doanh làm mộc gia dụng. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở V (sau đây gọi là Quỹ tín dụng V) đã phê duyệt hồ sơ và đồng ý cho anh Lê Trọng T vay số tiền, cụ thể như sau:

Ngày 21/7/2017 Quỹ tín dụng V và anh Lê Trọng T đã ký thỏa thuận cho vay số: 5281/TTCV, theo đó Quỹ tín dụng V đồng ý cho anh Lê Trọng T vay vốn

với hạn mức cho vay là 35.000.000đồng, phương thức cho vay từng lần, thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 21/7/2017 đến ngày 21/7/2018, mục đích vay tiền là buôn bán, sản xuất đồ mộc dân dụng, phát tiền 01 lần, lãi suất cho vay 1,2%/tháng tại thời điểm thỏa thuận cho vay, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, tiền lãi trả theo tháng nếu không trả lãi đúng hạn phải trả phí trả lãi chậm, tiền gốc trả 01 lần vào ngày 21/7/2018.

Ngày 21/7/2017 anh T viết giấy nhận nợ và được nhận tiền theo phiếu chi của Quỹ tín dụng ngày 21/7/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh T đã thanh toán và còn nợ như sau:

- Số tiền lãi đã trả: 14.118.000đồng, bao gồm ngày 10/02/2018 trả 1.000.000đ, ngày 20/4/2018 trả 718.000đ, ngày 13/6/2018 trả 564.000đ và 336.000đ, ngày 09/8/2019 trả 7.000.000đ, ngày 20/10/2019 trả 3.000.000đ, ngày 11/6/2020 trả 1.500.000đ.

- Số tiền gốc đã trả: 0đồng.

- Dư nợ gốc hiện tại: 35.000.000đồng.

Tính đến nay ngày 30/9/2021 anh Lê Trọng T còn nợ 50.478.000đồng. Trong đó tiền gốc 35.000.000đồng, tiền nợ lãi là 15.478.000đồng.

Quỹ tín dụng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên tính đến nay, anh T vẫn không trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Quỹ tín dụng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Quỹ tín dụng, cố tình không hợp tác trả nợ.

Để đảm bảo cho việc vay tiền, anh T và Quỹ tín dụng đã ký kết Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 5281/TTCV ký ngày 21 tháng 7 năm 2017 thửa đất số 97, tờ bản đồ số 19, địa chỉ xóm 10, xã V, diện tích 400m², đất ở và nhà ở trên đất theo giấy xác nhận quyền sử dụng đất của UBND xã V.

* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Quỹ tín dụng V có đơn vào ngày 19/8/2021 và tại phiên tòa Quỹ tín dụng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

- Bà Lê Thị Hòa (mẹ anh T) không tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án vì bà Hòa không có nghĩa vụ phải trả nợ và bà không thế chấp tài sản.

- Không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 97, tờ bản đồ 19, địa chỉ thửa đất thôn 8, xã V, huyện Triệu Sơn, diện tích 400m², đất ở lâu dài và nhà ở trên đất. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 5281/TTCV ngày 21/7/2017 giữa Quỹ tín dụng V với anh Lê Trọng T có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V, huyện Triệu Sơn và giấy xác nhận hộ gia đình chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp của UBND xã V ngày 17/7/2017.

Đề nghị Tòa án buộc anh Lê Trọng T phải trả toàn bộ số tiền còn nợ là 50.478.000đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi giải quyết xong vụ án.

* Đối với anh Lê Trọng T, tại bản tự khai của anh được thể hiện như sau: Ngày 05/7/2016 anh có ký hợp đồng tín dụng với Quỹ tín dụng V để vay số tiền 35.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay ghi trong hợp đồng là làm mộc dân dụng nhưng thực chất là để làm cửa lều Thánh mẫu phủ Tía (công trình này chủ đầu tư là UBND xã V). Khi đó UBND xã V không có tiền nên ông Lê Quang Đức chủ tịch hội đồng quản trị quỹ tín dụng V làm thầu công trình phủ Tía bảo anh làm hồ sơ vay quỹ tín dụng V anh mới đứng ra ký hợp đồng trên. Tuy nhiên làm xong công trình thì UBND xã V không thanh toán tiền cho anh từ năm 2016 cho đến nay là 06 năm vẫn không thanh toán nên anh không có tiền trả cho quỹ tín dụng xã V. Anh đề nghị khi nào UBND xã V thanh toán tiền làm cửa lều Thánh mẫu phủ Tía cho tôi thì mới có đủ trả cho Quỹ tín dụng V.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu, các bên không thỏa thuận với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Lê Trọng T không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất. Ông Lê Kim K có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T và ông K.

Đối với bà Lê Thị H (mẹ anh T): Ngày 19/8/2021 và tại phiên tòa Quỹ tín dụng V đã rút yêu cầu buộc bà H cùng trả nợ với anh T và xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp QSD đất số 5281/TTCV ký ngày 21 tháng 7 năm 2017 ký kết giữa Quỹ tín dụng với anh T. Xét thấy, việc Quỹ tín dụng V rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bà H trả nợ và xử lý tài sản thế chấp của Hợp đồng thế chấp tài sản do anh T thế chấp là tự nguyện nên HĐXX cần đình chỉ đối với phần yêu cầu này. Do bà Lê Thị H không tham gia vay nợ của Quỹ tín dụng mà anh Lê Trọng T là người trực tiếp vay và ký nhận hồ sơ, nhận tiền để buôn bán, sản xuất đồ mộc dân dụng. Tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất anh T là người ký kết mà bà Lê Thị H cũng không ký hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo vay vốn và hiện nay diện tích đất thế chấp cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên bà Lê Thị H không phải tham gia với tư cách là bị đơn trong vụ án này.

[2]. Về hình thức và quan hệ pháp luật: Hợp đồng tín dụng (thỏa thuận cho vay) số 5281/TTCV ngày 21/7/2017 giữa Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở V với

anh Lê Trọng T, mục đích vay tiền là buôn bán, sản xuất đồ mộc dân dụng. Do vậy mục đích vay vốn để kinh doanh, có lợi nhuận nên khi phát sinh tranh chấp Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết là theo đúng thẩm quyền và vụ án thuộc tranh chấp dân sự về kinh doanh thương mại.

[3]. Về nội dung: Hợp đồng vay vốn được các bên ký kết theo đúng quy định của pháp luật, nội dung các điều khoản cam kết trong hợp đồng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của các bên được pháp luật cho phép.

Sau khi nhận tiền vay, anh Lê Trọng T không trả số tiền nợ đầy đủ theo thỏa thuận, nhiều lần Quỹ tín dụng có văn bản đòi nợ nhưng anh T vẫn không trả hết nợ cho Quỹ tín dụng. Nên Quỹ tín dụng yêu cầu giải quyết là đúng pháp luật.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện: Quá trình thực hiện hợp đồng và số tiền vay: Trên cơ sở giấy đề nghị vay vốn, anh T đã được Quỹ tín dụng cho vay 35.000.000đ, được giải ngân 01 lần, thể hiện tại giấy nhận nợ và phiếu chi ngày 21/7/2017 kèm theo hợp đồng tín dụng. Các bên thống nhất cách tính lãi theo khoản 6 Điều 1 HĐTD ngày 21/7/2017.

Về thực hiện hợp đồng và số tiền phải trả:

Theo hợp đồng tín dụng anh T đã nhận tiền vay 01 lần vào ngày 21/7/2017 với số tiền vay 35.000.000đ, nhận tiền mặt. Kỳ hạn trả nợ toàn bộ tiền gốc vào ngày 21/7/2018, kỳ hạn trả lãi hàng tháng.

Quá trình thực hiện anh T đã trả được số tiền nợ như sau:

- Tiền nợ gốc anh T chưa thanh toán. Đến nay vẫn còn nợ 35.000.000đ tiền gốc.

- Tiền nợ lãi: Qua nhiều lần trả tiền lãi tính đến ngày 11/6/2020 anh T đã trả được 14.118.000đ tiền lãi.

Cụ thể tính lãi: Từ ngày 21/7/2017 đến ngày 21/7/2018 lãi trong hạn (1,2%/tháng) là 5.110.000đ; từ ngày 22/7/2018 đến ngày 30/9/2021 do chưa trả được số tiền gốc như thỏa thuận nên lãi suất chuyển sang lãi quá hạn là 24.486.000đ (35.000.000đ x 1,8%/tháng). Nên số tiền lãi anh T phải trả gồm lãi trong hạn là 5.110.000đ, lãi quá hạn là 24.486.000đ. Tổng cộng tiền lãi là 29.596.000đ.

Do anh T đã trả số tiền được 14.118.000đ (bao gồm tiền lãi trong hạn 5.110.000đ và lãi quá hạn 9.008.000đ) nên anh đã trả đủ tiền lãi trong hạn và còn nợ lại tiền lãi quá hạn là 15.478.000đ.

Theo khoản 6 Điều 1 HĐTD và tại giấy nhận nợ ngày 21/7/2017 bên vay trả lãi định kỳ hàng tháng, lãi suất trong hạn là 1,2%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Theo khoản 1 Điều 6 HĐTD thì trường hợp bên vay không trả nợ khi đến hạn, nếu hai bên không có thỏa

thuận gì khác thì bên cho vay sẽ được quyền chuyển toàn bộ số dư còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn. Như vậy bắt đầu từ ngày 21/7/2018 do không được số tiền nợ gốc nên anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ về tiền nợ gốc và từ ngày 22/7/2018 số tiền vay chuyển nợ quá hạn, do vậy thời điểm tính lãi quá hạn cũng được tính từ ngày vi phạm.

Đến nay anh T còn: Nợ gốc: 35.000.000.000 đồng; Nợ lãi: 15.478.000đồng. Tổng cộng: 50.478.000đồng. HĐXX thấy rằng:

- Đối với số tiền nợ gốc do anh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, quá trình trả nợ gốc anh T không trả được tiền nợ gốc theo thỏa thuận vào ngày 21/7/2018, quỹ tín dụng đã thông báo nhưng anh không trả nên cần buộc anh T phải trả số tiền nợ gốc là 35.000.000đồng.

- Đối với số tiền nợ lãi thì thấy rằng, kỳ trả lãi hàng tháng. Anh T đã trả được 14.118.000đồng, (bao gồm ngày 10/02/2018 trả 1.000.000đ, ngày 20/4/2018 trả 718.000đ, ngày 13/6/2018 trả 564.000đ và 336.000đ, ngày 09/8/2019 trả 7.000.000đ, ngày 20/10/2019 trả 3.000.000đ, ngày 11/6/2020 trả 1.500.000đ) trong đó cả lãi trong hạn và lãi quá hạn.

Do đã quá thời hạn trả tiền gốc vào ngày 21/7/2018 thì số tiền này đã chuyển nợ quá hạn. Theo sổ giấy nhận nợ và HĐTD nên vào ngày 22/7/2018 là ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc vì không trả tiền, thời điểm phát sinh lãi quá hạn là vào ngày 22/7/2018 đến ngày 30/9/2021 (ngày xét xử sơ thẩm). Nên tiền lãi trong hạn là 5.110.000đ, lãi quá hạn là 24.486.000đ. Tổng cộng tiền lãi là 29.596.000đồng. Đến nay anh đã trả được 14.118.000đồng tiền lãi, nên anh đã trả đủ số tiền lãi trong hạn là 5.110.000đ và trả được lãi quá hạn là 9.008.000đ, do vậy anh còn nợ tiền lãi quá hạn là: 15.478.000đồng.

Như vậy tính đến nay 30/9/2021 anh T còn nợ số tiền là: 50.478.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 5281/TTCV ngày 21/7/2017 và giấy nhận nợ ngày 21/7/2017. Xét thấy đây là yêu cầu thực tế và phù hợp với thỏa thuận đã ký kết giữa các bên, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận yêu cầu và buộc anh T phải thanh toán cho Quỹ tín dụng V toàn bộ khoản tiền trên.

[5]. Về áp dụng án lệ: Do đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, theo quy định của pháp luật đối với các khoản tiền vay của tổ chức tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Nên cần áp

dụng Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

Về án phí: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là anh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 3.000.000đ.

Quỹ tín dụng V không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các TCTD; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao về xác định lãi suất trong hợp đồng tín dụng.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở V về yêu cầu bà Lê Thị H trả số tiền nợ và xử lý tài sản thế chấp là QSD đất và tài sản trên đất theo hợp đồng thế chấp số 5281/TTCV ngày 21 tháng 7 năm 2017 ký kết giữa Quỹ tín dụng V với anh Lê Trọng T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở V.

Buộc anh Lê Trọng T phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở V số tiền nợ đến ngày 30/9/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 50.478.000đồng. Trong đó tiền gốc 35.000.000đồng, tiền nợ lãi là 15.478.000đồng.

Anh T tiếp tục phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2021 đối với khoản nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi xuất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (thỏa thuận cho vay) số 5281/TTCV ngày 21/7/2017 và giấy nhận nợ ngày 21/7/2017.

3. Về án phí:

- Anh Lê Trọng T phải chịu tiền án phí KDTM sơ thẩm là: 3.000.000đồng.
- Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.200.000đ theo biên lai thu số 0006207 ngày 02/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Tuấn

